

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co trong vùng 1,619 – 1639 trước khi lực mua xuất hiện vào cuối phiên và giúp chỉ số đóng cửa tại mốc cao nhất ngày, 1,657.46 điểm, tăng hơn 22 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dịch vụ tài chính, Ngân hàng dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. SMA10 và 20 hiện tại đã trở thành ngưỡng kháng cự của VN-Index. Trong những phiên tới, chỉ số cần vượt những ngưỡng này để xác nhận đà hồi phục ngắn hạn về đỉnh cũ 1,696.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 24/09/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+22.20** điểm, đóng cửa tại **1657.46** điểm. HNX-Index **+4.27** điểm, đóng cửa tại **277.28** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VPB (+3.26)**, **TCB (+2.18)**, **HDB (+1.71)**, **VCB (+0.96)**, **MBB (+0.84)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.65)**, **VIC (-0.17)**, **BMP (-0.12)**, **SJS (-0.08)**, **GEX (-0.06)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **25,087** tỷ đồng, tăng **34.71%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 27,181 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 38.39 điểm. Thị trường có **231** mã tăng, 51 mã tham chiếu, **88** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1505.75** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-245.48 tỷ)**, **SSI (-198.34 tỷ)**, **VPB (-123.54 tỷ)**, **VCI (-104.74 tỷ)**, **VCB (-93.19 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-42.49** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+2.17%**. Các mã diễn biến tích cực:
HDB (+6.97%) [\(Link báo cáo\)](#)
VPB (+5.69%) [\(Link báo cáo\)](#)
PDR (+5.50%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+1.28%**. Các mã diễn biến tích cực:
MBS (+5.48%)
DIG (+5.37%)
HDC (+4.84%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	2.17%	1.28%	1.36%	1.76%
1 tuần	-3.33%	-2.01%	-0.81%	-0.82%
1 tháng	2.14%	2.53%	2.69%	3.95%
3 tháng	15.22%	20.15%	21.37%	26.64%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,657.46	277.28	109.65
% 1D	1.36%	1.56%	-0.34%
GTKL (tỷ VND)	25,087	2,111	378
%1D	34.71%	74.92%	-6.60%
GDNN (tỷ VND)	-1505.75	-42.49	-32.51

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CII	119.89	VHM	-245.48
DIG	70.75	SSI	-198.34
BID	54.14	VPB	-123.54
PDR	42.66	VCI	-104.74
VSC	26.08	VCB	-93.19

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

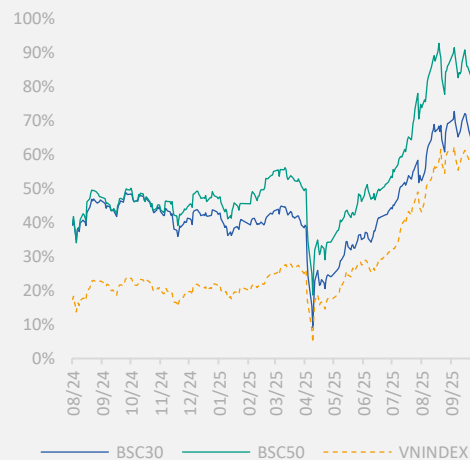
	%D	%W
SPX	-0.55%	0.76%
FTSE100	-0.17%	-0.01%
Eurostoxx	-0.46%	1.80%
Shanghai	0.83%	-0.59%
Nikkei	0.30%	1.67%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	67.89	0.39%
Giá vàng	3,770	-0.63%
Tỷ giá		
USD/VND	26,445	-0.01%
EUR/VND	31,987	0.11%
JPY/VND	183	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.7%	0.00%
LS LNH 1M	5.1%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

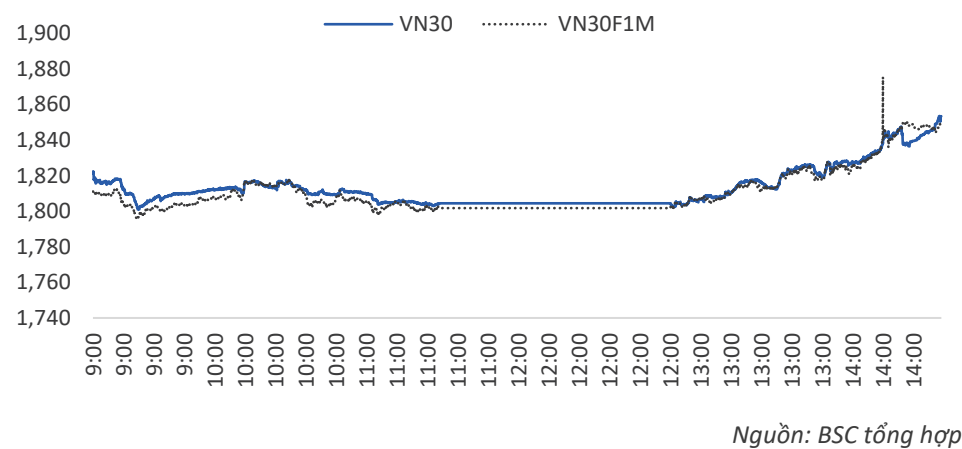
Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1842.00	0.92%	495	146.3%	20/11/2025	57
41I1FA000	1849.00	1.12%	391,388	143.7%	16/10/2025	22
VN30F2512	1847.00	1.87%	666	64.4%	18/12/2025	85
41I1G3000	1820.90	0.66%	225	147.25%	19/03/2026	176

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +32.03 điểm, đóng cửa tại 1853.48 điểm. Biên độ dao động 52.52 điểm. Các cổ phiếu như VPB, HDB, TCB, HPG, MWG tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng cuối phiên nhờ dòng tiền lan tỏa của nhóm cổ phiếu ngân hàng. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSSB2505	3/12/2025	70	23,700	14.88%	20.22	1,090	36.3%	0.35	22.40	19.50	19.50
CVIB2502	27/10/2025	33	739,300	0.79%	17.74	1,730	24.5%	1.72	20.66	20.50	20.50
CVPB2502	26/03/2026	183	81,900	-2.28%	20.44	5,360	24.4%	6.00	30.88	31.60	31.60
CHPG2508	23/10/2025	29	46,300	3.42%	22.48	4,540	19.8%	4.00	30.04	29.05	29.05
CMBB2514	23/12/2025	90	400	0.75%	18.00	4,000	19.8%	4.01	27.00	26.80	26.80
CTCB2506	23/10/2025	29	98,500	4.95%	25.00	3,930	19.1%	3.47	40.72	38.80	38.80
CVIB2506	14/10/2025	20	53,800	-0.61%	15.81	2,600	18.2%	2.69	20.37	20.50	20.50
CVIB2508	23/06/2026	272	56,900	7.36%	16.69	3,030	17.9%	2.86	22.01	20.50	20.50
CHPG2510	5/02/2026	134	96,200	8.07%	24.15	2,900	17.4%	2.32	31.39	29.05	29.05
CSSB2506	3/02/2026	132	156,300	15.87%	20.56	1,020	17.2%	0.48	22.60	19.50	19.50
CACB2503	27/10/2025	33	216,700	0.85%	22.56	2,190	16.5%	2.14	26.22	26.00	26.00
CVPB2511	12/01/2026	110	95,800	3.09%	18.01	7,480	16.1%	7.11	32.58	31.60	31.60
CSSB2503	19/11/2025	56	17,400	21.97%	22.35	360	16.1%	0.03	23.79	19.50	19.50
CVIB2505	15/12/2025	82	48,800	1.96%	16.69	2,400	15.9%	2.34	20.90	20.50	20.50
CVPB2517	3/12/2025	70	2,100	0.50%	20.00	2,940	15.3%	2.95	31.76	31.60	31.60
CVPB2521	23/07/2026	302	13,000	7.12%	22.15	3,900	14.7%	3.55	33.85	31.60	31.60
CMSN2406	4/11/2025	41	458,900	6.15%	79.00	1,500	14.5%	1.07	88.00	82.90	82.90
CVPB2509	19/11/2025	56	700	-1.15%	22.07	4,710	14.0%	4.98	31.24	31.60	31.60
CACB2505	9/10/2025	15	191,400	0.05%	21.98	1,610	13.4%	1.62	26.01	26.00	26.00
CVPB2409	4/11/2025	41	92,900	-0.30%	21.42	5,180	13.3%	5.29	31.50	31.60	31.60

Nguồn: BSC

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 24/09/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
- CSSB2505 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 36.25%. CSTB2515 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.99%.
- CMBB2507, CFPT2503, CFPT2502, CFPT2510, CFPT2508 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2502, CVIC2509, CVIC2506, CVIC2507, CVIC2508 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VPB	31.60	5.69%	5.46
HDB	30.70	6.97%	3.91
TCB	38.80	3.47%	3.64
HPG	29.05	1.40%	2.43
MWG	79.20	1.80%	2.24

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VHM	98.00	-0.71%	-0.74
VIC	149.00	-0.13%	-0.26

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPB	31.60	5.69%	3.26	7.93
TCB	38.80	3.47%	2.18	7.09
HDB	30.70	6.97%	1.71	3.50
VCB	62.70	0.80%	0.96	8.36
MBB	26.80	1.71%	0.84	8.05

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	25.90	5.71%	0.90	0.89
CEO	27.00	8.43%	0.84	0.54
MBS	32.70	5.48%	0.70	0.57
NVB	15.00	2.04%	0.25	1.17
HHC	135.80	9.60%	0.15	0.02

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FUCTVGF5	12.25	6.99%	0.00	0.00
HDB	30.70	6.97%	1.69	25.06
CDC	29.40	6.91%	0.02	1.47
JVC	8.52	6.90%	0.01	0.94
TDH	5.12	6.89%	0.01	0.77

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
L40	87.50	9.92%	0.37	0.03
CTT	21.10	9.90%	0.04	0.00
SGD	30.40	9.75%	0.05	0.00
CET	12.40	9.73%	0.03	0.08
HHC	135.80	9.60%	0.85	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	98.00	-0.71%	-0.65	4.11
VIC	149.00	-0.13%	-0.17	3.88
BMP	145.30	-4.41%	-0.12	0.08
SJS	71.00	-1.66%	-0.08	0.30
GEX	52.50	-0.57%	-0.06	0.90

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	85.70	-2.72%	-0.48	0.30
VIF	16.00	-3.61%	-0.14	0.35
NTP	62.20	-0.96%	-0.07	0.17
GMA	50.00	-9.91%	-0.07	0.02
IDC	40.00	-0.74%	-0.07	0.33

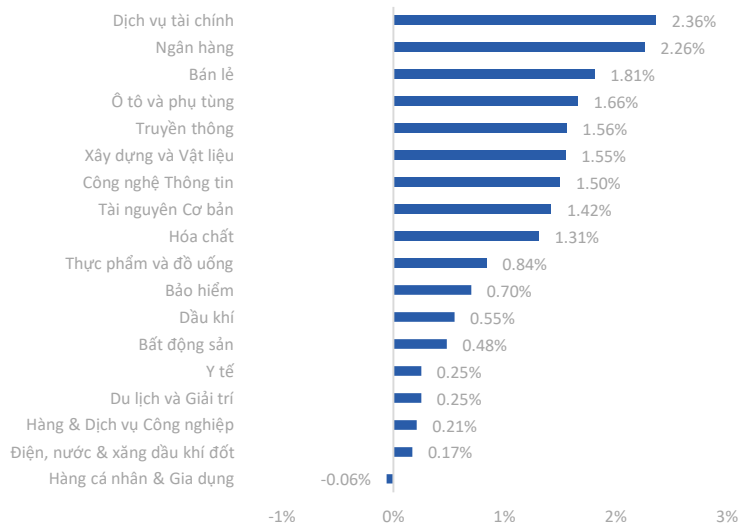
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PMG	9.72	-6.99%	-0.01	0.00
DAT	13.35	-6.97%	-0.01	0.01
DTT	20.80	-6.94%	0.00	0.02
HSL	12.10	-6.92%	-0.01	1.27
TPC	11.30	-5.83%	0.00	0.01

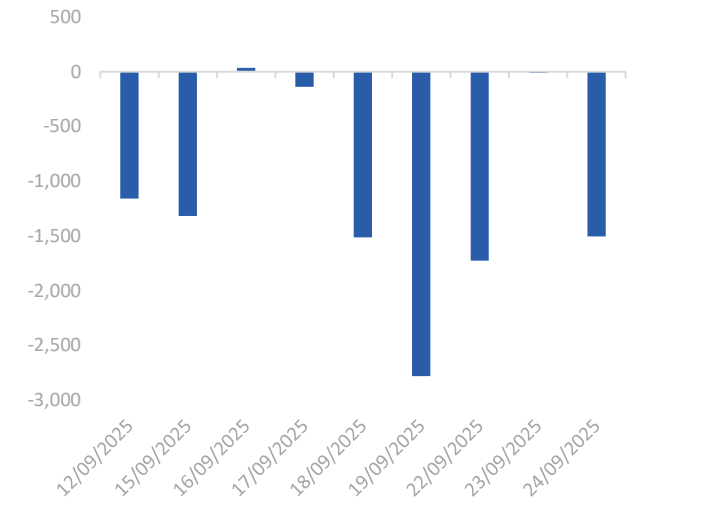
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SAF	52.70	-9.91%	-0.25	0.00
GMA	50.00	-9.91%	-0.39	0.00
TTT	32.50	-9.72%	-0.06	0.00
CMC	7.90	-9.20%	-0.01	0.00
GDW	36.00	-7.69%	-0.10	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	79.2	1.8%	1.3	117,094	503.4	3,304	24.0	84,700	47.1%	Link
KBC	Bất động sản	37.1	1.4%	1.2	34,939	230.4	1,835	20.2	-	12.7%	Link
KDH	Bất động sản	34.0	1.7%	1.4	38,099	144.8	716	47.4	39,900	31.4%	Link
PDR	Bất động sản	25.0	5.5%	1.7	24,446	686.3	177	141.3	28,200	10.0%	Link
VHM	Bất động sản	98.0	-0.7%	0.9	402,526	598.0	6,984	14.0	92,000	9.7%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	99.5	1.5%	0.7	169,499	759.7	5,092	19.5	118,700	37.3%	Link
BSR	Dầu khí	27.0	0.4%	0.0	83,713	105.3	(16)		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	34.0	0.6%	1.6	16,251	81.3	2,644	12.9	42,800	10.4%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.9	2.5%	1.4	28,997	194.6	1,085	24.7		36.6%	
SSI	Dịch vụ tài chính	40.3	2.2%	1.4	83,556	1434.1	1,571	25.6		38.4%	
VCI	Dịch vụ tài chính	43.7	4.2%	1.3	31,541	350.0	1,368	31.9		27.0%	
DCM	Hóa chất	37.5	1.6%	1.4	19,853	40.0	3,186	11.8	47,300	6.6%	Link
DGC	Hóa chất	97.0	1.0%	1.4	36,839	87.5	8,175	11.9	109,300	12.5%	Link
ACB	Ngân hàng	26.0	2.6%	0.9	133,553	288.8	3,305	7.9	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	41.2	0.9%	1.0	289,280	192.3	3,683	11.2	49,500	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	50.5	1.0%	1.1	271,185	262.8	5,608	9.0	53,500	26.4%	Link
HDB	Ngân hàng	30.7	7.0%	1.3	107,298	743.1	4,075	7.5	30,800	17.0%	Link
MBB	Ngân hàng	26.8	1.7%	1.2	215,874	599.3	3,046	8.8	32,000	22.4%	Link
MSB	Ngân hàng	13.5	2.7%	1.1	41,964	178.7	1,634	8.2	14,000	29.7%	Link
STB	Ngân hàng	57.0	2.9%	1.0	107,457	523.6	6,148	9.3		18.5%	
TCB	Ngân hàng	38.8	3.5%	1.0	274,946	745.6	3,018	12.9	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	19.7	2.3%	1.2	51,914	576.0	2,423	8.1	-	24.7%	Link
VCB	Ngân hàng	62.7	0.8%	1.0	523,901	243.8	4,148	15.1	75,700	21.6%	Link
VIB	Ngân hàng	20.5	3.3%	0.9	69,782	225.2	2,218	9.2	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	31.6	5.7%	1.0	250,712	1576.9	2,193	14.4	35,600	24.4%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	29.1	1.4%	1.3	222,972	886.5	1,750	16.6	34,300	19.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	19.4	2.7%	1.3	12,047	123.7	751	25.8	23,800	9.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.6	1.3%	1.3	10,603	106.0	4,124	6.7	31,700	4.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	82.9	1.2%	1.2	119,866	438.3	1,861	44.5	92,700	24.7%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	62.0	0.7%	0.7	129,577	197.8	4,101	15.1	64,500	49.2%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.0	2.51%	1.4	9,413	72.2	2,216	19.4	23.0%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	131.8	2.17%	0.9	22,446	90.4	3,163	41.7	30.9%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	56.5	0.89%	1.3	41,941	17.8	3,278	17.2	27.1%	10.5%	
DIG	Bất động sản	25.5	5.37%	1.5	16,484	706.5	211	120.6	6.1%	1.8%	
DXG	Bất động sản	23.4	1.96%	1.5	23,842	437.4	350	66.9	23.9%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	36.9	4.84%	1.3	6,572	211.2	482	76.5	5.7%	3.8%	
HDG	Bất động sản	32.5	4.33%	1.5	12,024	121.0	540	60.2	19.0%	3.2%	Link
IDC	Bất động sản	40.0	-0.74%	1.4	15,180	83.1	3,977	10.1	16.0%	27.3%	Link
NLG	Bất động sản	40.0	2.56%	1.4	15,403	104.0	1,709	23.4	45.4%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	57.3	-0.52%	1.2	13,873	22.9	5,215	11.0	3.8%	28.1%	
SZC	Bất động sản	34.8	1.61%	1.1	6,255	24.4	1,978	17.6	2.7%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	21.7	2.36%	1.4	18,850	113.6	1,093	19.9	10.0%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	149.0	-0.13%	0.9	574,099	543.8	3,487	42.7	3.7%	9.6%	
VRE	Bất động sản	29.0	2.47%	0.9	65,897	102.5	1,937	15.0	17.1%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	40.2	1.26%	1.4	8,512	10.7	1,701	23.6	38.5%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	35.0	0.72%	1.0	44,471	41.6	1,661	21.1	15.9%	8.2%	Link
PVD	Dầu khí	22.8	1.11%	1.3	12,646	86.5	1,428	15.9	3.8%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	37.0	1.51%	1.4	12,803	42.5	1,348	27.4	24.9%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	32.7	5.48%	1.7	21,540	133.7	1,506	21.7	5.8%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.6	0.00%	1.1	148,638	34.4	5,002	12.3	1.7%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.1	1.00%	1.3	35,362	119.5	636	23.7	2.6%	4.6%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.7	-0.74%	0.8	36,129	75.8	4,417	15.1	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	133.7	0.53%	0.9	79,098	202.4	3,427	39.0	7.1%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	52.5	-0.57%	1.4	47,376	245.8	1,736	30.3	7.5%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	70.7	1.73%	1.2	29,708	217.3	3,826	18.5	41.7%	12.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	54.5	1.49%	1.1	9,203	59.0	5,700	9.6	5.9%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.6	0.00%	1.2	8,741	49.1	2,306	8.1	8.4%	13.8%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	100.5	-0.50%	0.0	12,239	14.8	3,317	30.3	4.6%	25.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	87.6	-0.34%	1.2	29,600	34.9	6,115	14.3	49.0%	18.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	30.4	0.50%	1.0	3,406	67.5	2,693	11.3	49.8%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.0	0.00%	1.4	2,452	14.2	2,841	7.0	17.4%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	26.2	0.77%	1.2	17,814	43.5	957	27.4	6.7%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	28.6	1.78%	1.3	114,400	28.5	1,331	21.5	0.4%	9.9%	
EIB	Ngân hàng	26.0	3.17%	1.3	48,431	207.7	1,783	14.6	5.1%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	47.5	1.93%	0.5	141,747	82.4	3,324	14.3	0.8%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	15.0	0.67%	0.0	25,650	33.1	2,260	6.6	1.5%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	12.8	0.79%	1.0	34,087	35.2	1,130	11.3	19.5%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	18.5	2.22%	1.4	8,258	190.0	666	27.7	6.3%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	28.2	1.62%	1.4	7,495	47.3	1,871	15.1	2.7%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.7	0.73%	0.7	10,534	67.8	1,981	17.5	3.2%	15.5%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.1	0.66%	0.7	59,126	31.3	3,185	14.5	58.4%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	60.5	-0.66%	1.2	13,579	152.8	6,444	9.4	21.2%	16.3%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	145.3	-4.41%	0.7	11,894	36.9	13,894	10.5	85.4%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	81.9	0.74%	1.4	8,307	35.8	4,512	18.2	47.7%	5.1%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	89.4	0.11%	1.3	10,226	17.9	4,930	18.1	5.9%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	46.4	1.87%	1.4	4,672	92.5	2,518	18.4	4.5%	12.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	15.4	2.67%	1.3	7,660	140.0	1,077	14.3	9.5%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	26.0	1.56%	1.1	9,299	31.8	1,189	21.9	14.5%	7.7%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	27.4	3.01%	1.3	17,681	219.1	1,195	22.9	7.8%	9.5%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	59.6	2.05%	1.5	26,722	46.6	3,343	17.8	5.9%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
3	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
6	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
11	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
12	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
13	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>